TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-PT
Ngày: 16 – 6 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Võ Bá Lưu
Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Long
Ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT-DS ngày 13/4/2021 về việc:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 901/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, Sinh năm 1974, bà Đoàn Thị S, Sinh năm 1975, địa chỉ: Tiểu khu 9 thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Ông T, bà S có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, Sinh năm 1963, ông Phạm Đức X, Sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Ông Phạm Đức X ủy quyền cho bà bà Trần Thị H tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021). Ông X vắng mặt, bà H có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam G – Chủ tịch UBND huyện; đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Duy P – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi

trường (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị S trình bày:* Ngày 01/12/2006 ông, bà được UBND huyện Tuyên Hoá cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 173295 đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 14 với diện tích 1.303m^2 tại Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Qúa trình sử dụng đất, khoảng tháng 4/2018, ông bà phát hiện gia đình bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X là người sử dụng đất liền kề đã lấn chiếm hơn 80m^2 đất và đốn chặt một số cây bạch đàn của gia đình ông bà. Nay, ông bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X tháo dỡ hàng rào dây thép gai, di dời tài sản trên đất trả lại 101,6m^2 đất cho vợ chồng ông bà và bồi thường thiệt hại giá trị số cây đã bị chặt phá.

- *Bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X trình bày:* Ngày 01/12/2006 hộ gia đình ông bà được UBND huyện Tuyên Hoá cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 133385 đối với thửa số 197 tờ bản đồ số 14, diện tích 2.228m^2 tại thôn Cao Trạch, xã Phong Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Ngày 20/10/2017, hộ gia đình ông bà được UBND huyện Tuyên Hóa cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00953 đối với thửa đất số 197 tờ bản đồ số 14, diện tích 2.198,1m^2. Gia đình ông bà sử dụng đất ổn định từ trước đến nay không có ai tranh chấp, gia đình ông bà không lấn chiếm của gia đình ông T, bà S. Do đó, nay ông T bà S khởi kiện yêu cầu ông bà tháo dỡ tài sản trên đất trả lại diện tích đất 101,6m^2 thì ông bà không đồng ý, đối với yêu cầu bồi thường số cây bạch đàn trên đất ông bà cũng không chấp nhận vì số cây này do ông bà trồng trên đất của mình nên có quyền khai thác, sử dụng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Tuyên Hóa cho rằng:* Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông T bà S và hộ gia đình bà H ông X thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/TCDS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã Quyết định: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị S diện tích đất lấn chiếm là 101,6m^2 .

Ngày 01/8/2019 bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X có đơn kháng cáo.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 29/2019/DS-PT ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà H, ông X, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, buộc bà H, ông X phải trả lại cho ông T bà S diện tích đất lấn chiếm là 88,64m^2.

Ngày 20/11/2019 bị đơn bà H, ông X có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 27/2020/DS-GĐT ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 29/2019/DS-PT ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2019/TCDS-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã Quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị S đối với bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X.

1. Áp dụng Điều 147, 157, 158, 165, 166 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 158, 166,175,176, 189, 190 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 143, 202, 203 Luật đất đai năm 2013 ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị S diện tích đất đã lấn chiếm là 115,5m^2; tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 14; Địa chỉ thửa đất: Thôn Cao Trạch, xã Phong Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Có ranh giới cụ thể:

- Hướng Tây giáp thửa 197 dài 50,80m
- Hướng Bắc giáp đường giao thông dài 1m.
- Hướng Đông giáp thửa 198 dài lần lượt 10,27m + 19,72m + 20,86m.
- Hướng Nam giáp đường giao thông dài 2,06m.

Buộc bà H ông X phải tháo dỡ hằng rào dây thép gai cọc bê tông dài 50,85m để trả lại đất lấn chiếm. Gia đình ông T bà S được sở hữu toàn bộ số cây trồng trên diện tích 115,5m^2 và có nghĩa vụ trả lại cho bà H ông X số tiền 563.000 đồng giá trị toàn bộ số cây.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X có đơn kháng cáo nội dung: Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, ông X bà H

không chấp nhận trả lại diện tích 115,5m^2 vì ông, bà không lấn chiếm đất của ông T bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm tuyên ông bà lấn chiếm vườn ông T 115,5m^2 đất là không khách quan, không đúng quy định pháp luật, không bảo đảm lợi ích hợp pháp cho gia đình ông, bà. Ông bà không chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị S vì ông bà không lấn chiếm đất của ông T, bà S, ông bà sử dụng đúng diện tích trong sổ đỏ năm 2006 huyện đã cấp và giao đất cho ông bà có mốc giới cụ thể, quá trình sử dụng ông bà không có tranh chấp, việc đo đạc hiện trạng sử dụng đất không đúng các điểm như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến Hnh tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 02/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án, ngày 12/3/2021 bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được thụ lý xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X không chấp nhận trả lại diện tích 115,5m^2 vì ông, bà không lấn chiếm đất của ông T, bà S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Ngày 30/3/1999, hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị S được UBND huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 918m^2; ngày 01/12/2006 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên

tHnh thửa 198, tờ bản đồ số 14 diện tích 1.303m^2. Ngày 30/3/1999, hộ bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X được UBND huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.000m^2 ; ngày 01/12/2006 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên tHnh thửa 197, tờ bản đồ số 14 diện tích 2.228m^2, đến ngày 20/10/2017 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất còn lại là 2.198,1m^2 (giảm 29,9m^2). Ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị S và bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm, các bên không phát sinh tranh chấp, sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 với diện tích 2.198,1m^2, bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X không có ý kiến khiếu nại gì về ranh giới, kích thước, diện tích thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/9/2014 tại đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 245) có chữ ký của ông Phạm Đức X UBND xã Phong Hóa đã xác nhận không có sự thay đổi về ranh giới, diện tích giảm 29,9m^2 là do sai số đo đạc. Tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 12/8/2013 (BL 246-247) người sử dụng đất bà Trần Thị H đã ký xác nhận ranh giới thửa đất và có chữ ký xác nhận của người sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Văn T.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 133385 và H770516 cấp ngày 01/12/2006 của ông T, bà S và ông X, bà H thì ranh giới giữa thửa đất số 197 và 198 là một đường thẳng có chiều dài 51,43m. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X, bà H được cấp đổi ngày 20/10/2017 và trích lục bản đồ địa chính ngày 26/2/2020 đối với thửa đất của ông T, bà S thì kích thước chiều dài ranh giới thay đổi là 50,80m, tuy nhiên không có thay đổi về hình dáng , ranh giới thể hiện vẫn là một đường thẳng.

Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận ranh giới giữa hai thửa đất hiện nay có một hàng rào dây thép gai. Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị H trình bày hàng rào thép gai cọc bê tông giữa hai thửa đất được gia đình bà làm từ năm 2018, cùng thời gian này ông T, bà S phát hiện bà H ông X lấn chiếm đất và phát S tranh chấp.

[2.2]. Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Tuyên Hóa cấp cho ông T, bà S và ông X, bà H thì thấy hiện trạng sử dụng đất của ông X, bà H tại thửa đất số 197 tờ bản đồ số 14 về diện tích, kích thước cạnh sử dụng không đúng. Bởi lẽ, theo sơ đồ thửa đất số 197 của hộ bà H tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/10/2017 thể hiện cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 26,9m, cạnh phía Nam giáp đường giao thông dài 51,21m tuy nhiên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2021, cạnh

phía Bắc dài 27,9m, cạnh phía Nam dài 53,27m. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định ông X, bà H đang sử dụng tổng diện tích là 2.313,6m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông X, bà H được giao sử dụng 2.198,1m^2. Như vậy, ông X, bà H đã sử dụng đất vượt quá diện tích đã cấp là 115,5 m^2, phần diện tích đất 115,5 m^2 này nằm hoàn toàn trong thửa đất số 198, tờ bản đồ số 14 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà S, kích thước các cạnh như sau : Phía Tây giáp thửa 197 dài 50,80m ; phía Bắc giáp đường giao thông dài 1m ; phía Đông giáp thửa 198 dài lần lượt 10,27m + 19,72m + 20,86m ; phía Nam giáp đường giao thông dài 2,06m.

[2.3]. Tại phiên tòa bà H khai diện tích đất sau khi cấp đổi cho gia đình bà giảm 29,9m^2 (năm 2006 được cấp diện tích 2.228m^2, cấp đổi năm 2017 là 2.198,1m^2) là do mở đường trước và sau thửa đất của gia đình bà đang sử dụng và gia đình bà đã đồng ý về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Tại phiên tòa, UBND huyện Tuyên Hóa trình bày khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình vào năm 2006 đã được đo đạc xác định tọa độ, mốc giới, năm 2017 khi thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà H thì xác định tọa độ, mốc giới được lưu từ năm 2006 và diện tích đất bà H giảm là do mở đường.

[2.3]. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa bị đơn ông X, bà H có ý kiến không nhất trí kết quả xem xét thẩm định ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa vì đo đạc hiện trạng sử dụng không đúng các điểm như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông X, bà H không yêu cầu xem xét thẩm định lại. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trạng sử dụng thực tế của ông X, bà H vượt quá diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về án phí:

Do đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị S được chấp nhận và kháng cáo của bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X không được chấp nhận nên bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Phạm Đức X có đơn xin miễn án phí và cung cấp bản sao thẻ hội viên hội người cao tuổi Việt Nam. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng

xét xử thấy có căn cứ để sửa án sơ thẩm về phần án phí, miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông X, bà H do ông X là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Áp dụng Điều 147, 157, 158, 165, 166 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 158, 166,175,176, 189, 190 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 143, 202, 203 Luật đất đai năm 2013, Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị S với bị đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Đức X.

Buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị S diện tích đất đã lấn chiếm là 115,5m^2; tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 14; Địa chỉ thửa đất: Thôn Cao Trạch, xã Phong Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Có ranh giới tứ cận cụ thể như sau:

- Điểm 01 đến điểm 02 dài 50,80m hướng Tây giáp thửa 197;
- Điểm 02 đến điểm 03 dài 01m hướng Bắc giáp đường giao thông;
- Điểm 03 đến điểm 04 dài 10,27m hướng Đông giáp thửa đất số 198;
- Điểm 04 đến điểm 05 dài 19,72m hướng Đông giáp thửa đất số 198;
- Điểm 05 đến điểm 06 dài 20,86m hướng Đông giáp thửa đất số 198;
- Điểm 06 đến điểm 01 dài 2,06m hướng Nam giáp đường giao thông.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X phải tháo dỡ hàng rào dây thép gai cọc bê tông dài 50,85m để trả lại đất lấn chiếm cho ông Nguyễn Văn T bà Đoàn Thị S (chi phí tháo dỡ do ông X, bà H chịu).

Gia đình ông Nguyễn Văn T bà Đoàn Thị S được sở hữu toàn bộ số cây trồng trên diện tích 115,5m^2 gồm : 02 cây Bạch đàn đường kính > 25cm ; 02 bụi tre > 20 đến 30 cây ; 07 cây chuối mới trồng ; 07m2 dứa mới trồng và có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X số tiền 563.000 đồng giá trị toàn bộ số cây theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản (ngày 15/01/2021).

2. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X không phải chịu. Trả lại số tiền 300.000 đồng bà Trần Thị H và ông Phạm Đức X đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2020/0000042 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Tuyên Hoá.

Án phí có giá ngạch : Buộc ông Nguyễn Văn T bà Đoàn Thị S phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003716 ngày 30/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Bá Lưu